

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2025/LĐ-ST
Ngày: 25-4-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng lao
động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hồng Việt.

Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó trưởng
phòng lao động thương binh và xã hội thành phố
Thuận An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình
Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận
An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ
lý số 422/2024/TLST-LĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về
bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐXXST-
LĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Trọng H, sinh năm 1991; nơi thường trú: Ấp G, xã
T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: Số A khu phố B, phường B, thành phố T,
tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH C; địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Đ,
phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa
chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu
cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn ông H, trình bày:

Trước đây ông H có làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội với số sổ
bảo hiểm xã hội 7410198924 tại Công ty cổ phần S từ tháng 7/2010 đến tháng
02/2011 và tại Công ty TNHH G từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2015. Tháng

7/2015 đến nay, ông H làm việc tại Công ty TNHH A. Tại công ty mới này, ông H được cấp sổ bảo hiểm xã hội mới với số 7411194047 và đã tiến hành đóng tiền bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định pháp luật.

Thời gian ông H đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH G là từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2015, nhưng khi gộp vào sổ mới thì chỉ cập nhật khoảng thời gian từ tháng 8/2012 đến tháng 3/2015, còn khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 thì không được cập nhật, lý do sổ bảo hiểm của ông H bị trùng với thời gian Công ty TNHH C đóng bảo hiểm xã hội cho dù ông H chưa từng làm việc tại công ty này.

Thực tế tồn tại hai mã số Bảo hiểm xã hội 7411194047 và 7410198924 cùng mang tên Lê Trọng H, căn cước công dân 083091002374 vào thời điểm tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 ông H vừa làm việc tại Công ty TNHH C và trong khoảng thời gian từ tháng 07/2011 đến tháng 7/2012 ông H làm việc tại Công ty TNHH G nên ông H không thực hiện được thủ tục bảo hiểm xã hội và trợ cấp thất nghiệp.

Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Lê Trọng H với người sử dụng lao động là Công ty TNHH C trong khoảng thời gian từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 là vô hiệu toàn bộ. Ông H không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Công ty TNHH C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:* Trong quá trình tố tụng đã có công văn phúc đáp số 64/CV-BHXXH ngày 13 tháng 01 năm 2025 cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của ông H tại Công ty TNHH C theo sổ bảo hiểm số 7411194047 (từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012) và Công ty TNHH G theo sổ bảo hiểm số 7410198924 (từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2015), đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông H khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Lê Trọng H với người sử dụng lao động là Công ty TNHH C trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH C; địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp D, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung: Xét thấy ông H không ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội (từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012) tại Công ty TNHH C. Trong khoảng thời gian trên, ông H cũng giao kết hợp đồng lao động tại TNHH G (từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2015) và tham gia bảo hiểm xã hội theo mã số Bảo hiểm xã hội 7410198924.

[4.1] Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH C từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 không phải ông H. Việc cá nhân mượn hồ sơ của ông H để đi làm tại Công ty TNHH C là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Ông H và Công ty TNHH C không tranh chấp gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 17, 19, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (nay là các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trọng H về việc Tranh chấp về hợp đồng lao động với bị đơn Công ty TNHH C.

Tuyên Hợp đồng lao động giao kết giữa ông Lê Trọng H và Công ty TNHH C trong thời gian từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 7 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ.

Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Lê Trọng H theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Ông Lê Trọng H tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009574 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

